

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NĂM 2021



Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

**ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021**

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

Tên trường

Trường Đại học Thương mại (tên tiếng Anh: Thuongmai University, tên giao dịch quốc tế viết tắt: TMU) là trường đại học công lập trực thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường Đại học Thương mại được thành lập vào năm 1960, tiền thân là Trường Thương nghiệp Trung ương. Năm 1979, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Thương nghiệp và từ năm 1994 thành Trường Đại học Thương mại. Năm 1987, Trường bắt đầu làm nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ từ năm 1994.

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thương mại trở thành trường đại học đa ngành có uy tín trong khu vực và trên thế giới; một cơ sở giáo dục có chất lượng và không ngừng được cải tiến với phương pháp đào tạo tiên tiến, liên tục được đổi mới và hoàn thiện; một trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao về kinh tế, kinh doanh và quản lý trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ; một trung tâm văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội những cán bộ có trình độ đại học, sau đại học đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hoá và năng lực nghề nghiệp có khả năng thích ứng với điều kiện môi trường đang thay đổi và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Địa chỉ các trụ sở của Trường

Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính tại số 79 Đường Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích hơn 37.000m². Từ năm 2016, Trường phát triển thêm cơ sở Hà Nam, có địa chỉ tại đường Lý Thường Kiệt, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, diện tích 43.690 m².

Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <http://www.tmu.edu.vn>

<http://www.saudaihoc.tmu.edu.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án

Số chuyên ngành đào tạo: 7

Tổng số thạc sĩ hiện đang đào tạo: 1165

Số đợt tuyển sinh trong năm: 2 đợt/năm vào khoảng tháng 3 và tháng 9

Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

TT	Tên chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Quy mô tuyển sinh trung bình hàng năm	Tổng số thạc sĩ đang đào tạo
1	Quản trị kinh doanh	8340101	107	214
2	Quản trị nhân lực	8340404	28	55
3	Quản lý kinh tế	8310110	190	379
4	Kinh doanh thương mại (gồm 2: Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại)	8340121	0	0
5	Kế toán	8340301	66	131
6	Tài chính – Ngân hàng	8340201	193	386
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	0	0
	Tổng		585	1165

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1 Phương thức tuyển sinh:

- Thi tuyển: đối với thí sinh là người Việt Nam
- Xét tuyển: đối với thí sinh là người nước ngoài (có quy định riêng).

Các môn thi:

- **Môn cơ bản:** Kinh tế học

- **Môn cơ sở ngành:**

- + Marketing căn bản (đối với chuyên ngành Kinh doanh thương mại)
- + Nguyên lý kế toán (đối với chuyên ngành Kế toán)
- + Nguyên lý quản lý kinh tế (đối với chuyên ngành Quản lý kinh tế)
- + Quản trị học (đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- + Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (đối với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng)
- + Quản trị dịch vụ (đối với chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)
- + Quản trị nhân lực căn bản (đối với chuyên ngành Quản trị nhân lực)

- **Môn ngoại ngữ:** Tiếng Anh (Theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Thí sinh có năng lực Tiếng Anh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo bằng tiếng Anh toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, giảng dạy bằng tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh (được quy định tại Phụ lục 1 của Đề án này) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày thi tuyển sinh, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

2.2 Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

2.2.1. Điều kiện văn bằng

Thí sinh đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải có văn bằng sau đây:

TT	Chuyên ngành	Văn bằng đại học
1	Kinh doanh thương mại	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Marketing thương mại, Thương mại quốc tế của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
2	Kế toán	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý) của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.

	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
3	Quản lý kinh tế	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kinh tế thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý) của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
4	Quản trị kinh doanh	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
5	Tài chính - Ngân hàng	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.

	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của các trường đại học khác. - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
7	Quản trị nhân lực	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị nhân lực của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.

Danh mục các nhóm ngành, khối ngành nêu ở bảng trên thực hiện theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GD&ĐT.

a) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành đúng, phù hợp và ngành gần không phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển sinh.

b) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành khác phải học bổ sung một

số học phần trong chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành đăng kí dự thi trước khi thi tuyển sinh. Chương trình các học phần bổ sung của từng chuyên ngành thực hiện theo Quyết định số 1432/QĐ-ĐHTM ngày 12/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Thí sinh được xem xét miễn học và thi học phần bổ sung nếu thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học của thí sinh (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ đào tạo theo quy định của Trường Đại học Thương mại; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10).

c) Thí sinh đăng kí dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành/ chuyên ngành không nằm trong danh mục các ngành/ chuyên ngành đã nêu ở trên (các ngành/ chuyên ngành theo quy định cũ trước đây), Trường ĐHTM sẽ căn cứ vào Bảng điểm đại học để xét điều kiện về văn bằng đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Thí sinh có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận là “bằng đại học” do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

2.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

Đối tượng tuyển sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp và ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng kí dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

2.2.3. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.2.4. Điều kiện về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Trường Đại học Thương mại sẽ xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

2.2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Thương mại.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

T T	Tên chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021
1	Quản trị kinh doanh	8340101	165
2	Quản trị nhân lực	8340404	35
3	Quản lý kinh tế	8310110	160
4	Kinh doanh thương mại (gồm 2 chuyên ngành: Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại)	8340121	35

5	Kế toán	8340301	55
6	Tài chính – Ngân hàng	8340201	160
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	25
	Tổng		625

2.4. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian: tháng 3 và tháng 9

Số lần tuyển sinh/năm: 2

2.5. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Bằng mức lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc theo mức lệ phí đảm bảo tính đủ chi phí.

Học phí: Năm học 2021-2022, học phí đối với thạc sĩ là 787.500đồng/1tín chỉ; mức tăng học phí từng năm không quá 10% so với năm học trước liền kề.

Chính sách khuyến khích học tập: Nghiên cứu sinh có thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận án trước hoặc đúng hạn được Nhà trường xem xét khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy chế tài chính nội bộ của Trường.

2.6. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ đang triển khai

T T	Tên đề tài	Cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ trì	Thời hạn thực hiện
1	Phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại	Bộ KH&CN	Trường Đại học Thương mại	3/2020-2/2022
2	Tác động của ứng dụng đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
3	Giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
4	Nghiên cứu các lợi ích kinh tế- xã hội của triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
5	Nghiên cứu mô hình ứng dụng dữ liệu lớn (Big data) về tình hình kinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-

	doanh của doanh nghiệp phục vụ công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam	tạo	mại	12/2021
6	Nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông tới quyết định mua hàng ở chuỗi các cửa hàng bán lẻ Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
7	Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt nam- Trung quốc	Bộ Công thương	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2020
8	Chuỗi cung ứng sản phẩm cà phê xuất khẩu của tỉnh Gia Lai: Thực trạng và giải pháp	Tỉnh Gia Lai	Trường Đại học Thương mại	3/2020-9/2021

2.7. Các hoạt động nghiên cứu khoa học

2.7.1. Hội thảo khoa học do Trường tổ chức và đồng tổ chức

TT	Cấp độ hội thảo	Số lần tổ chức hội thảo trong năm
1	Hội thảo khoa học quốc gia	9
2	Hội thảo khoa học quốc tế do Trường Đại học Thương mại đồng tổ chức tại Việt Nam	4
3	Hội thảo khoa học quốc tế do Trường Đại học Thương mại đồng tổ chức tại nước ngoài	
4	Hội thảo khoa học cấp trường	1-2
5	Hội thảo khoa học cấp khoa	10-15

2.7.2. Danh mục tạp chí khoa học do Trường xuất bản

TT	Tên tạp chí	Thể loại xuất bản (in/điện tử/cả in và điện tử)	Năm bắt đầu phát hành	Số kỳ xuất bản/năm	Số điểm tối đa được tính bởi HECDSNN	ISSN
1	Khoa học Thương mại	in	2002	12	1,0	1859-3666
2	Trade Science Review	in	2012	3	1,0	1859-3666

2.7.3. Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Đề tài KH&CN cấp Quốc gia: Trong năm học 2019-2020, Trường đã tham gia tuyển chọn đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp Quốc gia “Phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại”, mã số

ĐTĐLXH.02/20, (GS.TS Đinh Văn Sơn chủ nhiệm). Đề tài đang diễn khai theo đúng tiến độ đề ra.

Đề tài KH&CN cấp Bộ và tương đương: Năm 2020, do cơ chế phân bổ số lượng đề tài của Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi, Trường Đại học Thương mại đã được phê duyệt 05 đề tài cấp Bộ. Trường Đại học Thương mại cũng là đơn vị chủ trì của 01 đề tài Bộ Công Thương “Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt nam- Trung quốc” (PGS,TS. Nguyễn Hoàng chủ nhiệm) và 01 đề tài cấp tỉnh Gia Lai: “Chuỗi cung ứng sản phẩm cà phê xuất khẩu của tỉnh Gia Lai: Thực trạng và giải pháp” (TS. Nguyễn Duy Đạt chủ nhiệm). Năm học 2020-2021, Trường đã thực hiện đề xuất và được tuyển chọn 05 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT.

Đề tài KH&CN và dự án R&D cấp trường: đã nghiệm thu 42 đề tài KH&CN cấp trường của năm học 2019-2020 (100% đúng tiến độ quy định) và tổ chức đánh giá và tuyển chọn 65 đề tài KH&CN cấp trường triển khai trong năm học 2020-2021. Đối với dự án R&D, đã tổ chức nghiệm thu 07 dự án R&D trong năm học 2019-2020 và phê duyệt 04 dự án mới trong năm học 2020-2021, các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ.

Trong quá trình học tập tại Trường, nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: **83.700m²**
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học: **36.528 m²**
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **1.870 chỗ**

3.1.2. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
2	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
3	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
4	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
5	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
6	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ

7	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
8	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
9	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
10	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
11	Phòng máy tính có phần mềm thực hành thương mại điện tử	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
12	Phòng máy tính có phần mềm thực hành thương mại điện tử	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
13	Phòng đọc đa phương tiện (Multimedia)	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
14	Phòng đọc sau đại học	300 đầu sách, báo, tạp chí tiếng Việt và tiếng nước ngoài, 50 bộ bàn ghế, 02 điều hòa nhiệt độ
15	Phòng thực hành thị trường chứng khoán ảo	35 máy tính, 37 bộ bàn ghế, 02 máy chủ, 1 projector, 03 điều hòa nhiệt độ

3.1.3. Phòng học, phòng bảo vệ luận văn, luận án

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	44
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	72
4	Phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Phòng bảo vệ luận văn, luận án	10

3.1.4. Học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

3.1.4.1. Tài liệu truyền thống (dạng in)

Nhóm ngành	Số lượng
Nhóm ngành III	7969

3.1.4.2. Ebook và cơ sở dữ liệu điện tử

- a). Tài liệu điện tử: CSDL trên CD ROM: có 4 CSDL: Bussiness periodicals on disk, Business and Management Practies, Ecolit, Dissertation Abtracts bao gồm 1570 đĩa.
- b). Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Igpublish: 75 tên

c). Quyền truy cập và sử dụng 4 CSDL của cục thông tin KH&CN QG:

<u>STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam</u>	STD là cơ sở dữ liệu toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam, do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987. Hiện tại có gần 150.000 biểu ghi, trong đó 85.000 biểu ghi có đính kèm tài liệu gốc định dạng tệp PDF.
<u>KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu</u>	KQNC là cơ sở dữ liệu thư mục lớn nhất Việt Nam về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. CSDL bao gồm hơn 11.000 mô tả thư mục và tóm tắt.
<u>Proquest Central</u>	Proquest Central là bộ cơ sở dữ liệu lớn bao gồm 25 cơ sở dữ liệu đa ngành, xử lý trên 19.000 tạp chí, trong đó hơn 13.000 tạp chí toàn văn. Dữ liệu của Proquest Central bao quát trên 160 lĩnh vực chủ đề khác nhau thuộc các ngành khoa học nông cốt như: Kinh tế - kinh doanh, Y học, Công nghệ, Khoa học xã hội...
<u>CSDL Credo Reference</u>	Credo Reference là CSDL tra cứu, tham khảo trực tuyến đa ngành, đa lĩnh vực cho phép truy cập tới hơn 500 bộ dữ liệu toàn văn từ hơn 80 nhà xuất bản, trên 3 triệu đầu mục dữ liệu; 200.000 tệp âm thanh số hóa; 40.000 tranh ảnh nghệ thuật, khoa học, y học; và 90.000 tập bản đồ về các địa danh, đặc điểm địa lý trên thế giới.

d). Quyền truy cập và sử dụng CSDL Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

- 3.500 giáo trình và sách tham khảo của Nhà xuất bản ĐHQGHN
- 20.000 luận án, luận văn.
- 1.000 Tài liệu thông tin địa chất và tài nguyên địa chất Việt Nam
- 1.200 đề tài cấp nhà nước và cấp ĐHQGHN
- 10.000 thư tịch cổ Hán Nôm
- 5.000 bài báo kỷ yếu hội thảo khoa học.

3.1.4.3. Báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học

- Báo, tạp chí tiếng Việt: 50 loại
- Báo, tạp chí tiếng nước ngoài: 30 loại
- Đề tài nghiên cứu khoa học: 722 cuốn

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên

TT	Họ và Tên (Nhóm ngành III)	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Đinh Văn Sơn		GS	TS		
2	Nguyễn Bách Khoa		GS	TS		
3	Phạm Vũ Luận		GS	TS		
4	Bùi Xuân Nhân	PGS		TS		
5	Đỗ Minh Thành	PGS		TS		
6	Nguyễn Hoàng Long	PGS		TS		
7	Nguyễn Thị Bích Loan	PGS		TS		
8	Bùi Hữu Đức	PGS		TS		
9	Trần Hùng	PGS		TS		

10	Nguyễn Thị Nguyên Hồng	PGS		TS		
11	Phan Thị Thu Hoài	PGS		TS		
12	Nguyễn Tiến Dũng	PGS		TS		
13	Phạm Thuý Hồng	PGS		TS		
14	An Thị Thanh Nhân	PGS		TS		
15	Đỗ Thị Ngọc	PGS		TS		
16	Nguyễn Quốc Thịnh	PGS		TS		
17	Nguyễn Phú Giang	PGS		TS		
18	Trần Thị Hồng Mai	PGS		TS		
19	Phạm Đức Hiếu	PGS		TS		
20	Đoàn Vân Anh	PGS		TS		
21	Vũ Mạnh Chiến	PGS		TS		
22	Doãn Kế Bôn	PGS		TS		
23	Trần Thị Thu Phương	PGS		TS		
24	Lê Thị Kim Nhung	PGS		TS		
25	Nguyễn Hoàng	PGS		TS		
26	Nguyễn Văn Minh	PGS		TS		
27	Nguyễn Thị Minh Nhân	PGS		TS		
28	Mai Thanh Lan	PGS		TS		
29	Phạm Công Đoàn	PGS		TS		
30	Nguyễn Thị Phương Liên	PGS		TS		
31	Nguyễn Quang Hùng	PGS		TS		
32	Nguyễn Văn Minh	PGS		TS		
33	Phạm Thị Thu Thủy	PGS		TS		
34	Lê Thị Thanh Hải	PGS		TS		
35	Nguyễn Viết Thái	PGS		TS		
36	Nguyễn Hoàng Việt	PGS		TS		
37	Hoàng Văn Thành	PGS		TS		
38	Đàm Gia Mạnh	PGS		TS		
39	Nguyễn Thị Thu Thủy			TS		
40	Nguyễn Thị Thùy Anh			TS		
41	Chữ Bá Quyết			TS		
42	Đinh Thị Thanh Nhân			TS		
43	Đỗ Thị Bình			TS		
44	Hà Thị Thúy Vân	PGS		TS		
45	Hoàng Thị Lan			TS		
46	Lê Tiến Đạt			TS		
47	Lê Thị Việt Nga			TS		

48	Nguyễn Bích Thủy			TS		
49	Nguyễn Thanh Hải			TS		
50	Nguyễn Thanh Huyền			TS		
51	Nguyễn Thanh Phương			TS		
52	Nguyễn Thị Hồng Lam			TS		
53	Nguyễn Thị Liên			TS		
54	Nguyễn Thị Tình			TS		
55	Nguyễn Thị Thanh Nhân			TS		
56	Nguyễn Thị Thanh Phương			TS		
57	Nguyễn Thu Quỳnh			TS		
58	Nguyễn Trần Hưng			TS		
59	Tạ Quang Bình			TS		
60	Trần Hải Long			TS		
61	Trần Hoài Nam			TS		
62	Trần Kiều Trang	PGS		TS		
63	Trần Ngọc Trang			TS		
64	Trần Thị Hoàng Hà			TS		
65	Trần Văn Trang			TS		
66	Cao Tuấn Khanh	PGS		TS		
67	Chu Thị Thủy			TS		
68	Đặng Văn Lương			TS		
69	Lục Thị Thu Hường			TS		
70	Nguyễn Đức Nhuận	PGS		TS		
71	Nguyễn Hóa			TS		
72	Nguyễn Tuấn Duy			TS		
73	Nguyễn Thị Minh Hạnh			TS		
74	Nguyễn Thị Tú			TS		
75	Nguyễn Thu Thủy	PGS		TS		
76	Nguyễn Viết Tiến			TS		
77	Phạm Tuấn Anh			TS		
78	Phùng Thị Thủy			TS		
79	Phùng Việt Hà			TS		
80	Trần Thành Thọ			TS		
81	Trần Thị Bích Hằng			TS		
82	Vũ Xuân Dũng			TS		
83	Phạm Minh Đạt			TS		
84	Nguyễn Thị Minh Thảo			TS		
85	Nguyễn Văn Giao			TS		

86	Hà Văn Sự	PGS		TS		
87	Phạm Thị Tuệ	PGS		TS		
88	Nguyễn Khắc Nghĩa			TS		
89	Nguyễn Thị Thu Hiền			TS		
90	Phạm Thị Minh Uyên			TS		
91	Trần Việt Thảo			TS		
92	Phan Thế Công	PGS		TS		
93	Thân Danh Phúc			TS		
94	Lê Mai Trang			TS		
95	Nguyễn Bá Minh	PGS		TS		
96	Nguyễn Sinh Bảy	PGS		TS		
97	Phương Kỳ Sơn	PGS		TS		
98	Đặng Minh Tiến			TS		
99	Nguyễn Thị Thu Trang			TS		
100	Phan Thanh Tùng			TS		
101	Tạ Thị Vân Hà			TS		
102	Vũ Văn Hùng			TS		
103	Bùi Hồng Vạn			TS		
104	Võ Tá Tri			TS		
106	Trần Nguyễn Bích Hiền			TS		
107	Vũ Ngọc Diệp			TS		
108	Đinh Thị Thanh Thủy			TS		
109	Đinh Thị Cúc			TS		
110	Nguyễn Thị Minh Giang			TS		
111	Đỗ Phương Thảo			TS		
112	Phạm Thanh Hương			TS		
113	Đặng Thị Minh Nguyệt			TS		
114	Nguyễn Duy Đạt			TS		
115	Hoàng Thị Bích Ngọc			TS		
116	Nguyễn Thành Hưng			TS		
117	Lại Thị Thu Thủy			TS		
118	Tô Ngọc Thịnh			TS		

3.3. Kiểm định chất lượng

Công tác KĐCL các CTĐT được thực hiện theo đúng kế hoạch. 05 CTĐT (ngành Marketing; Kế toán (chính quy và chất lượng cao); Tài chính – Ngân hàng (chính quy và chất lượng cao) đã hoàn thành các báo cáo tự đánh giá. Đoàn đánh giá ngoài đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường từ ngày 11/2/2020 đến 15/2/2020. Kết thúc đợt đánh giá, Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQGHN ban hành Quyết định số

150/QĐ-KĐCL về việc cấp Giấy chứng nhận 05 CTĐT của Trường Đại học Thương mại đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với kết quả như sau: Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Marketing có tổng số 44/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”, chiếm tỉ lệ 88%; Ngành Kế toán có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%; Ngành Kế toán có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%; Ngành Tài chính – Ngân hàng có tổng số 44/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 88%; Ngành Tài chính – Ngân hàng có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%. Kết quả này một mặt góp phần củng cố và nâng cao uy tín của Trường đối với người học và xã hội; mặt khác là ghi nhận sự nỗ lực, vươn lên, kiên trì cho mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của toàn thể CCVC trong Nhà trường.

Ngoài ra, để nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng, Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản trị đại học do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia HN tổ chức vào 1/2019; Tham gia Hội thảo tự đánh giá và đánh giá ngoài tổ chức tại Đại học Điện lực vào 4/2019; Tham gia tập huấn thiết kế chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tổ chức tại Đà Nẵng vào 5/2019. Tham gia tập huấn khảo sát mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công năm 2019. Tham gia tập huấn thực hành xây dựng và tự đánh giá CTĐT phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục năm 6/2020; Tổ chức tập huấn cho cán bộ trong Trường về công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kiểm định chất lượng Trường, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3.4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ, trong những năm gần đây, Trường Đại học Thương mại đã chủ động hợp tác với các trường đại học nước ngoài thuộc các quốc gia và vùng lãnh thổ (Cộng hòa Pháp, Canada, Áo, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, ...) trong việc tổ chức hội thảo khoa học, trao đổi học thuật, chuyên môn và giảng viên. Trường đã ký hợp đồng với nhiều giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh cùng với giảng viên của Trường; đã và sẽ tiếp tục cử giảng viên của Trường sang các Trường đối tác ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức quản lý đào tạo sau đại học, học tập, trao đổi kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ...

Ngoài ra, Trường đã đầu tư và sử dụng công cụ công nghệ thông tin (phần mềm turnitin) để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho hội đồng đánh giá luận án cấp trường để hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng